

Bản án số: 235/2022/HSPT

Ngày: 05-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Trương Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 155/2022/TLPT-HS ngày 28 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo N và đồng phạm về tội “*Giết người*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2022/HSST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1- N, sinh năm 1999 (không rõ ngày, tháng) tại huyện M, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Làng A, xã Đ, huyện M tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Banar; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H (đã chết) và bà B, sinh năm 1968. Bị cáo chưa có vợ. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2021. Có mặt tại phiên tòa.

2- AN, sinh năm 1999 (không rõ ngày, tháng), tại huyện M, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Làng A, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Banar; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A, sinh năm 1946 và bà L, sinh năm 1961. Bị cáo chưa có vợ. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2021. Có mặt tại phiên tòa.

3- T, sinh năm 2000 (không rõ ngày, tháng), tại huyện M, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Làng A, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Banar; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T, sinh năm 1980 và bà Đ, sinh năm 1979; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2021. Có mặt tại phiên tòa.

4- H, sinh năm 2001 (không rõ ngày, tháng), tại huyện M, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Làng A, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Banar; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông P, sinh năm 1967 và bà K, sinh năm 1968; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2021. Có mặt tại phiên tòa.

5- A1, sinh tháng 4 năm 2003 (không rõ ngày), tại huyện M, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Làng A, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Banar; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông K, sinh năm 1974 và bà A, sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2021. Có mặt tại phiên tòa.

6- L, sinh năm 1999 (không rõ ngày, tháng), tại huyện M, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Làng A, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Banar; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L, sinh năm 1970 và bà B, sinh năm 1974; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2021. Có mặt tại phiên tòa.

7- M, sinh năm 2002 (không rõ ngày, tháng), tại huyện M, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Làng A, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Banar; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A, sinh năm 1972 và bà K, sinh năm 1974; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2021. Có mặt tại phiên tòa.

8- B, sinh năm 1997 (không rõ ngày, tháng), tại huyện M, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Làng A, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Banar; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H, sinh năm 1976 và bà L, sinh năm 1977; Có vợ là chị T, sinh năm 1999, có 02 người con sinh năm 2016 và năm 2018. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2021. Có mặt tại phiên tòa.

9- O, sinh năm 1993 (không rõ ngày, tháng), tại huyện M, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Làng A, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Banar; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông P (đã chết) và bà T (đã chết); Có vợ là chị T, sinh

năm 1996, có 02 người con sinh năm 2014 và 2019. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2021. Có mặt tại phiên tòa.

10 - C, sinh năm 1998 (không rõ ngày, tháng), tại huyện M, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Làng A, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Banar; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y, sinh năm 1956 và bà C, sinh năm 1958; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2021. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

+ Bào chữa cho các bị cáo N, AN, T, H, A1, L, M, B, O, C: Ông Ngô Đức N – Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

+ Bào chữa cho các bị cáo N, AN, T, H, A1: Ông Mai Văn T – Luật sư thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

+ Bào chữa cho các bị cáo L, M, B, O: Bà Trang Thị Thùy D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

+ Bào chữa cho bị cáo C: Ông Thiều Hữu M – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của các bị cáo:

+ Đại diện hợp pháp của bị cáo M: Ông A, sinh năm 1972 là cha của bị cáo; trú tại: Làng A, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

+ Đại diện hợp pháp của bị cáo A1: Ông K, sinh năm 1974 và bà Anhar, sinh năm 1978; cùng trú tại: Làng A, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

- Người phiên dịch: Bà Nay H – Công tác tại tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản Cáo trạng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 14/5/2020, T đến nhà Võ Hữu N1 (tên thường gọi là “C”; sinh năm 1995; ở trọ tại làng A, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai) để hỏi lý do N1 nhiều lần hứa mua cá cho T nhậu nhưng không thực hiện. Khi đến nhà N1 thì giữa T và N1 xảy ra mâu thuẫn với nhau, lúc đó bạn của N1 là Lữ Văn T1 (tên thường gọi là T1 Tam; sinh năm 1987; trú tại làng A, xã Đ, M) đang có mặt tại đây đã ôm giữ T lại còn T2 (chưa rõ nhân thân, lai lịch, ở trọ

cùng với N1) dùng tay đánh T mấy cái vào người nhưng không gây thương tích. Sau đó, T1 bỏ ra cho T đi về nhà.

Đến khoảng 20 giờ ngày 15/5/2020, T cùng với N, AN, H ngồi tại nhà H thuộc làng A, xã Đ, huyện M. Trong khi ngồi nhậu, T kể lại chuyện bị T2 và T1 đánh tại nhà của N1, rồi T nói với N, AN, H rủ thêm thanh niên trong làng để cùng đi tìm đánh N1 và T2 thì N, AN và H đồng ý. Sau đó, T, N, AN, H đi tìm và rủ thêm thanh niên trong làng A, xã Đ, huyện M gồm có: HR, O, B, L, C, A1, M, Q, I, R, T3, HN, S, H1 đến tập trung tại trước sân nhà của T. AN về nhà lấy 01 con dao rựa (dài 65cm, cán bằng gỗ dài 36cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 39cm, chỗ rộng nhất 4,5cm), N về nhà lấy 01 con dao (dài 63,5cm, phần cán hình ống bằng kim loại dài 20,5cm, đường kính 2,5cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 43cm, mũi nhọn, chỗ rộng nhất 4cm) cùng đi đến nhà T. Đến nơi AN hỏi: “Tụi mày có gây chưa”, thấy có nhiều người chưa có nên AN điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 81E1-056.38 của H chở H đến đóng cây bời lờ trước nhà ông Ngô Văn Cồn, H lấy khoảng 10 cây bời lờ (mỗi cây dài khoảng 1,5m) cầm về nhà T. N dùng dao chặt một số cây ra làm đôi và đưa cho H, A1, M, B, Q cầm mỗi người 01 cây. I nhặt 01 cục đá bỏ vào túi quần, còn L, O, C, HR, T3, HN, H1, S không cầm gì. Sau đó, HN điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 81R7-1120 chở N, C; AN điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 81E1-056.38 chở H; O điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 81E1-033.43 chở B, T; Q điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 81E1-090.35 chở L, R; T3 điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 81E1-069.05 chở A1, M; H1 điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 81R7-1424 chở S; I điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 81E1-097.14 chở HR. Trên đường đi thì R nhặt được 01 thanh sắt, T nhặt 01 ống nước nhựa cầm theo.

Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, N, AN, T, A1, L, M, B, O, C, H, Q, I, R, HR, T3, HN, H1, S đến phòng trọ của N1 để tìm N1 và T2 nhưng không thấy nên T nói tất cả đến nhà Lữ Văn T1 để tìm N1 và T2 vì N1 thường chơi tại nhà T1. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, tất cả đến đứng ngoài đường phía trước nhà của T1 thì T1 đi ra gặp nói chuyện với N. N hỏi T1 “C (tức là N1) có ở đây không?” thì T1 nói “Không biết, nó đi rồi” đồng thời T1 quay vào nhà lấy 01 (một) cây tuýp sắt đầu có gắn lưỡi dao nhọn và đuổi nhóm N đi về. Nhưng do nghi ngờ N1 đang ở trong nhà T1 nên N đi vòng sang bên phải nhà của T1 rồi đi vào nhà bếp để tìm N1 thì gặp bà Phong (là mẹ vợ của T1) nên N đứng nói chuyện với bà Phong. Lúc này, T1 đang ngồi trước sân nhà nói chuyện với HR, Q, I, HN, T3, R, HR, H1, S thì nghe tiếng bà Phong la nên T1 chạy vào nhà. Cùng lúc đó AN, T, A1, L, M, B, O, C, H cũng chạy theo vào. Khi xuống bếp thấy N nên T1 túm cổ áo N và hỏi “Mày muốn chết ở đây à?” thì N vật T1 ngã ngửa xuống nền nhà, dùng chân phải đè lên trên ngực của T1 và tay phải cầm dao mang theo chém nhiều phát vào đầu T1 và nói “Mày đại ca à”. T1 đưa tay lên đỡ

thì bị trúng vào đầu, tay trái, tay phải. T1 lẩn qua trái thì thấy có 01(một) cây chày bằng gỗ tại phòng bếp nên cầm giơ lên để chống đỡ. Cùng lúc đó, T lao vào dùng hai tay đâm nhiều cái vào mặt và người của T1, L cầm cây bời lời trên tay đập nhiều phát vào lưng và người T1, O cầm thớt dựng ngay góc nhà ném về phía T1 nhưng không trúng. T1 vùng dậy men theo cửa bếp bỏ chạy về phía sau nhà thì B, H, C, A1 đuổi theo và cầm cây bời lời đập vào lưng T1. AN dùng dao rựa chém 02 (hai) phát vào lưng T1. T1 bỏ chạy ra phía sau vườn tiêu, một tay vịn vào trụ tiêu, đang cúi người xuống thì bị N đuổi kịp dùng dao chém 01 (một) phát từ phía sau trúng vào cổ T1. T1 tiếp tục bỏ chạy ra đường đất bên trái nhà T1, khi đang bò trên đường đất thì bị N cầm dao chém 01 (một) phát vào chân phải của T1, M dùng cây bời lời đập 01 (một) phát vào lưng T1 thì T1 nằm gục sấp mặt xuống đường. Thấy Lữ Văn T1 nằm gục bất tỉnh nên N kêu tất cả không đánh nữa và lên xe đi về. Lữ Văn T1 bị thương tích nặng đã được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai.

Ngày 16/5/2020, các đối tượng N, AN, T, A1, L, M, B, O, C, H đã đến Công an xã Đ, huyện M đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội. AN đã giao nộp 01 (một) con dao rựa dài 65cm, cán bằng gỗ tre dài 36cm, đường kính từ 2,5-3cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 29cm, nơi rộng nhất 4,5cm, nơi nhỏ nhất 2cm và N giao nộp 01 (một) con dao dài 63,5cm, cán bằng ống kim loại dài 20,5cm, phần lưỡi dài 43cm, mũi nhọn, nơi rộng nhất 4cm.

Tại Bản kết luận giám định số 528/C09C (Đ5) ngày 10/6/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Các chất màu nâu thu giữ tại hiện trường và trên con dao dài 63,5cm (do N giao nộp) là máu của Lữ Văn T1.

Tại Bản kết luận giám định số 667/C09C (Đ5) ngày 03/7/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Tổng tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Lữ Văn T1 tại thời điểm giám định là: 49 % (Bốn mươi chín phần trăm).

- Cơ chế hình thành tổn thương:

+ Các vết thương trên cơ thể Lữ Văn T1 là những tổn thương do vật sắc tác động trực tiếp tạo nên.

+ 02 (hai) thanh gậy gỗ gửi giám định không gây ra được các tổn thương như trên cơ thể của Lữ Văn T1.

+ Con dao có mũi nhọn gây ra được các tổn thương vùng lưng (sẹo vùng lưng, vai phải – nền cổ trái; sẹo vùng giữa lưng; sẹo vùng lưng trái – hông phải) của Lữ Văn T1. Con dao có mũi quắm không gây được các tổn thương này.

+ 02 (hai) con dao gửi giám định đều gây được các vết thương còn lại trên cơ thể Lữ Văn T1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2022/HSST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo N, AN, T, H, A1, L, M, B, O, C phạm tội “*Giết người*”.

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 15, 38, 57 Bộ luật hình sự 2015.

- Xử phạt bị cáo **N 12 (Mười hai)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2021.

+ Xử phạt bị cáo **AN 09 (Chín)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2021.

+ Xử phạt bị cáo **T 09 (Chín)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2021.

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 15, 38, 57 và Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 đối với các bị cáo H, L, B, O, và bị cáo C.

+ Xử phạt bị cáo **H 07 (Bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2021.

+ Xử phạt bị cáo **L 07 (Bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2021.

+ Xử phạt bị cáo **B 07 (Bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2021.

+ Xử phạt bị cáo **O 07 (Bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2021.

+ Xử phạt bị cáo **C 07 (Bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2021.

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 15, 38, 57, Điều 54, Điều 91, Khoản 1 Điều 101, khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo A1 và bị cáo M.

+ Xử phạt bị cáo **A1 04 (Bốn)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2021.

- Xử phạt bị cáo **M 04 (Bốn)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, các bị cáo N, A, T, H, A1, L, M, B, B1, C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Ngô Đức Nam bào chữa cho bị cáo thống nhất cho rằng trong vụ án này, bị hại cũng có lỗi, T1 túm cổ áo N, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng chưa áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo N 12 năm là nghiêm khắc, trong 10 bị cáo thì 9 bị cáo là hộ nghèo, đề nghị giảm hình phạt cho các bị cáo.

Luật sư Mai Văn Tấn đồng tình với tội danh và các tình tiết mà Tòa án sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, hoàn cảnh gia đình, bị hại cũng có lỗi để xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo.

Trợ giúp viên pháp lý bà Trang Thị Thùy Dương và ông Thiệu Hữu Minh đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Luật sư và quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình và thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Giết người” là đúng, chỉ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng cùng với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có cơ sở khẳng định: Khoảng 20 giờ ngày 15/5/2020, các bị cáo T cùng N, AN, H ngồi nhậu, bị cáo T kể lại chuyện bị T2 và N1 đánh. Bị cáo T nói với N, AN, H rủ thêm người để tìm đánh N1 và T2. Các bị cáo T, N, AN, H, đi tìm và rủ thêm HR, O, B, L, C, A1, M, Q, I, R, T3, HN, S, H1 cùng đi đánh nhau. Khi đi bị cáo AN cầm 01 con dao rựa, bị cáo N cầm 01 con dao, bị cáo AN và H chuẩn bị gây gỗ bởi lời đưa cho A1, M, B, Q cầm mỗi người 01 (một) cây, I nhặt 01 (một) cục đá bỏ vào túi quần, R cầm 01 thanh sắt, T cầm một ống nhựa, còn L, O, C, HR, T3, HN, H1, S không cầm gì. Tất cả đi tìm nhưng không có N1 và T2 ở nhà nên tất cả đến nhà bị hại T1 để tìm T2, N1 giải quyết mâu thuẫn. Khi đến nhà bị hại T1 thì bị cáo N và bị hại T1 xảy ra mâu thuẫn nên bị cáo N đã vật ngã bị hại T1 xuống đất rồi cầm dao chém nhiều nhát vào đầu, tay phải, tay trái, cổ và chân của bị hại T1, bị cáo T dùng tay nắm nhiều cái vào mặt bị hại T1, bị cáo L cầm cây bởi lời đánh vào lưng bị hại cùng lúc bị cáo O cầm thắt gố để ném về phía bị hại T1 nhưng không trúng. Bị hại T1 bỏ chạy thì các bị cáo B, C, H, A1 đuổi theo dùng cây bởi lời đập vào lưng bị hại, bị cáo AN cầm dao rựa chém 02 (hai) nhát vào lưng, bị cáo M dùng cây bởi lời đập 01 (một) phát vào lưng của bị hại T1. Khi anh T1 nằm

gục bất tỉnh thì tất cả mới dừng lại. Bị hại được đưa đi cấp cứu điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai.

Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 667/C09C (Đ3) ngày 03/7/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận thương tích của anh Lữ Văn T1 tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là **49% (Bốn mươi chín phần trăm).**

Do đó, Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử các bị cáo N, AN, T, H, A1, L, M, B, O, C về tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Đây là vụ án có nhiều bị cáo tham gia thực hiện việc phạm tội, nhưng giữa các bị cáo không có sự phân công vai trò, nhiệm vụ cụ thể nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó:

- Đối với bị cáo T: Là người có vai trò chính trong vụ án, đã khởi xướng, rủ rê lôi kéo, bàn bạc với các bị cáo N, AN, H để đi tìm N1 và T2 để giải quyết mâu thuẫn. Bị cáo T dùng tay đâm vào mặt của bị hại T1. Tuy không trực tiếp gây ra thương tích cho anh T1 nhưng bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình.

- Đối với các bị cáo N, AN: Khi được T rủ đi đánh nhau, mặc dù không có mâu thuẫn gì với anh N1, T2 và T1, nhưng các bị cáo cũng tham gia một cách tích cực. Bị cáo N và AN đã chuẩn bị hung khí dao và rựa.

Khi đến nhà bị hại T1 bị cáo N đã vật ngã bị hại, bị cáo N và AN trực tiếp dùng dao chém nhiều nhát bị hại. AN dùng dao rựa chém 02 nhát vào lưng. Khi bị hại T1 bỏ chạy thì bị cáo N đuổi theo dùng dao chém 01 nhát vào cổ. Thấy bị hại T1 tiếp tục bỏ chạy khi đang bò trên đường đất nhưng bị cáo N tiếp tục cầm dao chém 01 nhát vào chân phải của T1.

- Đối với các bị cáo H, A1, L, M, B, O, C sau khi được các bị cáo T, N, AN rủ đi đánh nhau thì các bị cáo đã đồng ý. Bị cáo H đi tìm hung khí là cây bời lời để phát cho các đối tượng A1, L, M, B, O, C. Khi thấy bị cáo N đánh bị hại bị cáo L dùng cây bời lời đánh nhiều phát vào lưng bị hại; bị cáo O dùng thớt gỗ ném vào bị hại; Khi bị hại bỏ chạy bị cáo B, A Nhưn, C tiếp tục đuổi theo và dùng cây bời lời đánh vào lưng; bị cáo M dùng cây bời lời đập 01 phát vào lưng bị hại T1 thì T1 nằm gục sấp mặt xuống đường.

Các bị cáo N, AN, T, H, A1, L, M, B, O, C khi thấy bị hại đã bỏ chạy nhưng vẫn cố tình đuổi theo thực hiện hành vi phạm tội đến cùng nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Cố tình thực hiện phạm tội đến cùng*” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Khi xét xử sơ thẩm, Toà án cấp sơ thẩm áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, như sau khi gây

án, các bị cáo N, AN, T, H, A1, L, M, B, O, C đã “đầu thú”; trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; đã tích cực tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại khắc phục hậu quả, được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, thuộc hộ nghèo và cận nghèo. Đó là các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo và cấp sơ thẩm áp dụng thêm Điều 54 đối với các bị cáo H, A1, L, M, B, O, C, từ đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hình phạt đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất hành vi và hậu quả của vụ án cũng như xem xét nhân thân của các bị cáo. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới do đó kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận.

Từ những vấn đề phân tích và lập luận trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật, hình phạt tuyên đối với các bị cáo thỏa đáng, kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo không có cơ sở nên không được chấp nhận, Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo quy định. Tuy nhiên, gia đình các bị cáo N, AN, T, H, A1, L, M, B, O thuộc hộ nghèo nên bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo N, AN, T, H, A1, L, M, B, O, C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 15, 38, 57 Bộ luật hình sự 2015.

- Xử phạt bị cáo **N 12 (Mười hai)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2021.

+ Xử phạt bị cáo **AN 09 (Chín)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2021.

+ Xử phạt bị cáo **T 09 (Chín)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2021.

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 15, 38, 57 và Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 đối với các bị cáo H, L, B, O, và bị cáo C.

+ Xử phạt bị cáo **H 07 (Bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2021.

+ Xử phạt bị cáo **L 07 (Bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2021.

+ Xử phạt bị cáo **B 07 (Bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2021.

+ Xử phạt bị cáo **O 07 (Bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2021.

+ Xử phạt bị cáo **C 07 (Bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2021.

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 15, 38, 57, Điều 54, Điều 91, Khoản 1 Điều 101, khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo A1 và bị cáo M.

+ Xử phạt bị cáo **A1 04 (Bốn)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2021.

- Xử phạt bị cáo **M 04 (Bốn)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2021.

Các bị cáo đều bị xét xử tội “Giết người”

Về án phí phúc thẩm hình sự: Căn cứ vào Điều 136 BLTTHS; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội:

Các bị cáo N, AN, T, H, A1, L, M, B, O được miễn nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Buộc bị cáo C phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Tuấn Nguyễn Văn Tiến

Nguyễn Cường

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Sở T2 pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cường